

Số: 483/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về dự toán thu ngân sách Nhà nước; thu, chi ngân sách năm 2026
của Thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2661/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét Tờ trình số 981/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về đánh giá thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách Thành phố ước thực hiện cả năm 2025 và dự toán năm 2026; kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2026 - 2028 của Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 908/BC-BKTNS ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Thông qua dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách Thành phố năm 2026**

1. Tổng dự toán thu ngân sách Nhà nước năm 2026: 804.775,242 tỷ đồng

Bao gồm:

- Thu nội địa: 588.675,500 tỷ đồng
- Thu từ dầu thô: 39.500,000 tỷ đồng
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 176.500,000 tỷ đồng
- Thu viện trợ: 99,742 tỷ đồng

2. Tổng dự toán thu ngân sách địa phương năm 2026: 289.588,945 tỷ đồng

Bao gồm:

- Thu phân chia cho ngân sách địa phương: 228.085,925 tỷ đồng
- Thu viện trợ: 99,742 tỷ đồng
- Thu bổ sung có mục tiêu từ NSTW: 6.336,705 tỷ đồng
- Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương: 35.066,573 tỷ đồng
- Tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách năm 2025: 20.000,000 tỷ đồng

chuyển sang:

3. Tổng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026: 305.606,645 tỷ đồng

Bao gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 144.078,000 tỷ đồng
- Chi thường xuyên: 135.118,566 tỷ đồng
- Chi bổ sung quỹ Dự trữ tài chính: 14,360 tỷ đồng
- Dự phòng ngân sách: 8.130,721 tỷ đồng
- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW: 6.336,705 tỷ đồng
- Chi trả lãi vay: 1.259,901 tỷ đồng
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 10.668,392 tỷ đồng

4. Bội chi ngân sách địa phương: 16.017,700 tỷ đồng

5. Về kế hoạch vay, trả nợ

- Tổng số chi trả nợ gốc các khoản vay của Thành phố: 1.021,020 tỷ đồng
- Tổng mức vay của Thành phố: 16.017,700 tỷ đồng.

(Kèm theo Mẫu biểu số 15, 16, 17, 18 của Nghị định số 31/2017/NĐ-CP)

Điều 2. Về thực hiện chính sách chi thu nhập tăng thêm năm 2026

1. Phê chuẩn tiếp tục bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách chi thu nhập tăng thêm năm 2026 theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Quy định chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, với hệ số chi thu nhập tăng thêm để bố trí dự toán ngân sách năm 2026 tối đa là 1,5 lần so với tiền lương ngạch, bậc, chức vụ. Đối với các đối tượng có mức chi thu nhập tăng thêm theo mức tiền cụ thể được bố trí với mức chi tối đa là 03 triệu đồng/biên chế có mặt/tháng.

2. Sau khi Trung ương có văn bản hướng dẫn hoặc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, giao Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, điều chỉnh mức chi thu nhập tăng thêm trong trường hợp số chi thu nhập vượt quá 0,8 lần quỹ lương cơ bản của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý.

Điều 3. Về sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách địa phương năm 2025

1. Phê chuẩn sử dụng một phần số tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách địa phương năm 2025 bổ sung vào dự toán thu ngân sách địa phương năm 2026 để bổ sung dự toán chi ngân sách Thành phố, với số tiền là 21.021,000 tỷ đồng. Trong đó:

- Chi trả nợ gốc là 1.021,000 tỷ đồng.
- Thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội năm 2026 là 20.000,000 tỷ đồng.

2. Sau khi kết thúc năm ngân sách, giao Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện rà soát, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng toàn bộ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách địa phương năm 2025 theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 4. Về sử dụng nguồn cải cách tiền lương dôi dư của Thành phố Hồ Chí Minh

1. Phê chuẩn sử dụng nguồn cải cách tiền lương dôi dư của Thành phố Hồ Chí Minh bổ sung dự toán thu ngân sách địa phương năm 2026, với số tiền là 35.066,573 tỷ đồng, để bố trí:

- Dự toán chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026, với số tiền là 27.487,554 tỷ đồng.

- Dự toán chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội, tình giảm biên chế năm 2026 theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước, với số tiền là 7.579,019 tỷ đồng.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện rà soát, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương dôi dư còn lại của Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 5. Về sử dụng nguồn tăng thu ngân sách địa phương được hưởng năm 2026 do địa phương quyết định cao hơn so với dự toán Trung ương giao năm 2026

1. Phê chuẩn sử dụng nguồn tăng thu ngân sách địa phương được hưởng năm 2026 do địa phương quyết định cao hơn so với dự toán Trung ương giao năm 2026, với số tiền là 1.175,50 tỷ đồng, như sau:

- Bổ sung nguồn cải cách tiền lương theo quy định là 822,85 tỷ đồng.
- Bố trí dự phòng ngân sách cấp Thành phố năm 2026 là 352,65 tỷ đồng.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Thành phố đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, phấn đấu thu ngân sách nhà nước năm 2026 tăng ít nhất 10% so với ước thực hiện năm 2025.

Điều 6. Về bố trí dự toán chi ngân sách Thành phố năm 2026 đối với các khoản dự toán chi chưa phân bổ chi tiết

1. Phê chuẩn bố trí dự toán ngân sách cấp Thành phố năm 2026 đối với khoản dự toán chưa phân bổ chi tiết, với số tiền là 9.310,415 tỷ đồng, bao gồm:

- Để phân bổ cho các đơn vị dự toán thuộc cấp Thành phố khi đủ điều kiện là 7.670,000 tỷ đồng, bao gồm: Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, với số tiền là 400,000 tỷ đồng; Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, với số tiền là 5.630,000 tỷ đồng; Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, với số tiền là 115,000 tỷ đồng; Chi sự nghiệp thể dục thể thao, với số tiền là 370,000 tỷ đồng; Chi hoạt động kinh tế, với số tiền là 322,000 tỷ đồng; Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể, với số tiền là 146,000 tỷ đồng; Chi bảo đảm xã hội, với số tiền là 57,000 tỷ đồng.

- Để phân bổ cho các đơn vị dự toán thuộc cấp xã khi đủ điều kiện là 1.640,415 tỷ đồng, bao gồm: Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo, với số tiền là 891,415 tỷ đồng; Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và chuyển đổi số, với số tiền là 674,000 tỷ đồng; Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội, với số tiền là 75,000 tỷ đồng.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện phân bổ chi tiết nguồn kinh phí trên theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 7. Về dự toán chi thực hiện nhiệm vụ xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 98/2023/QH15

1. Phê chuẩn bố trí dự toán chi ngân sách Thành phố năm 2026 cho công tác xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 98/2023/QH15 với số tiền là 2,000 tỷ đồng.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cụ thể về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách và thực hiện phân bổ, giao dự toán chi tiết số kinh phí trên đúng đối tượng, không trùng lặp với các khoản chi khác theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố:

- Nâng cao chất lượng công tác tổ chức, quản lý điều hành ngân sách nhà nước, bảo đảm chặt chẽ, linh hoạt theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong việc phân bổ, giao dự toán, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, gắn với trách nhiệm người đứng đầu. Đẩy mạnh công tác công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

- Chỉ đạo các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chỉ tham mưu ban hành chính sách khi thực sự cần thiết, bảo đảm khả thi, hiệu quả, không trùng lặp, phù hợp với khả năng giải ngân và cân đối ngân sách địa phương.

- Thực hiện phân bổ và giao dự toán phù hợp với phân cấp thẩm quyền và triển khai chính quyền địa phương 02 cấp. Tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong phân cấp, phân quyền, đảm bảo bố trí dự toán chi ngân sách năm 2026 gắn với nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục triển khai các biện pháp trong công tác quản lý chặt chẽ nguồn thu; cần tăng cường các giải pháp quản lý thu ngân sách, đẩy mạnh chống thất thu thuế, kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu từ đất đai, tài sản công, đảm bảo mọi khoản thu được thu đúng, thu đủ và nộp kịp thời ngân sách nhà nước theo quy định; quản lý chặt chẽ các nguồn thu được để lại của đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện theo quy định đối với các hoạt động thu phí, lệ phí; sớm thực hiện chuyển các hoạt động thu phí, lệ phí sang cơ chế giá. Tiếp tục đẩy mạnh sắp xếp, cơ cấu lại, tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn tại doanh nghiệp Nhà nước. Phân đầu thu ngân sách nhà nước năm 2026 tăng ít nhất 10% so với ước thực hiện năm 2025 theo Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026.

- Tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các giải pháp khai thác nguồn thu từ đất từ các dự án được giao đất có thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; các khu đất công, cơ sở nhà đất không còn nhu cầu sử dụng đưa vào bán đấu giá, khai thác để phát triển kinh tế xã hội của Thành phố, tạo nguồn lực ngân sách để đầu tư các công trình, dự án của Thành phố trong năm 2026 và giai đoạn 2026 - 2030.

- Quản lý chặt chẽ bội chi, mức vay nợ của ngân sách địa phương; thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ trả nợ vay của Thành phố khi đến hạn theo quy định. Kiểm soát việc thực hiện vay nợ chính quyền địa phương năm 2026.

- Triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành các quy

định về thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

- Sử dụng nguồn ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương ban hành, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, chi trả kịp thời, đúng đối tượng.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN Thành phố;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp xã;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, (P.CTHĐND-Tn).

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025	DỰ TOÁN NĂM 2026	SO SÁNH	
					TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI (%)
A	B	1	2	3	4=3-2	5=3/2
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	271.390.555	334.180.003	289.588.945	-44.591.058	86,7%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	182.774.143	214.422.400	228.085.925	13.663.525	106,4%
-	Thu NSDP hưởng 100%	95.507.735	117.163.150	124.231.800	7.068.650	106,0%
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	87.266.408	97.259.250	103.854.125	6.594.875	106,8%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	21.373.825	21.373.825	6.336.705	-15.037.120	29,6%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
2	Thu bổ sung có mục tiêu	21.373.825	21.373.825	6.336.705	-15.037.120	29,6%
III	Thu viện trợ	1.087.827	1.087.827	99.742	-988.085	
IV	Thu huy động sự đóng góp của doanh nghiệp hưởng lợi từ các dự án do nhà nước đầu tư	34.000	34.000		-34.000	0,0%
V	Thu bán đấu giá đất công, cơ sở nhà đất cơ quan hành chính sự nghiệp	17.189.364	7.817.055		-7.817.055	0,0%
VI	Thu chuyển nguồn đưa vào cân đối ngân sách năm sau	48.931.396	48.931.396	35.066.573	-13.864.823	71,7%
VII	Tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách địa phương			20.000.000	20.000.000	
VIII	Thu kết dư ngân sách cấp Thành phố		40.513.500		-40.513.500	
B	TỔNG CHI NSDP	288.655.456	258.549.683	305.606.645	47.056.961	118,2%
1	Chi đầu tư phát triển	142.865.578	113.425.237	144.078.000	30.652.763	127,0%
2	Chi thường xuyên	112.667.180	116.901.164	135.118.566	18.217.401	115,6%
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	23.200	23.200	14.360	-8.840	61,9%
4	Dự phòng ngân sách	8.442.780	5.747.374	8.130.721	2.383.348	141,5%
5	Hoàn trả ngân sách Trung ương	62.485	62.485	0	-62.485	0,0%
6	Chi trả lãi vay	1.285.770	1.197.713	1.259.901	62.188	105,2%
7	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	5.932.138	3.592.957	10.668.392	7.075.435	296,9%
8	Chi từ nguồn ngân sách Trung ương bổ sung mục tiêu	17.376.325	17.599.554	6.336.705	-11.262.849	36,0%
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	17.264.900		16.017.700	16.017.700	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP					

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025		DỰ TOÁN NĂM 2026		SO SÁNH (%)	
		NSNN	NSDP	NSNN	NSDP	NSNN	NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NSNN	748.437.827	334.180.003	804.775.242	289.588.945	107,5%	86,7%
I	THU DẦU THÔ	41.500.000		39.500.000		95,2%	
II	THU XUẤT NHẬP KHẨU	172.000.000		176.500.000		102,6%	
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	129.414.000		133.939.100		103,5%	
2	Thuế xuất khẩu	2.187.700		2.137.000		97,7%	
3	Thuế nhập khẩu	21.085.800		20.529.700		97,4%	
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu	18.804.000		19.400.000		103,2%	
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	275.700		264.300		95,9%	
6	Thu khác	232.800		229.900		98,8%	
III	THU NỘI ĐỊA	533.850.000	214.422.400	588.675.500	228.085.925	110,3%	106,4%
	Trong đó: Thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất, thu xổ xổ kiến thiết	465.308.000	145.880.400	487.675.500	145.085.925	104,8%	99,5%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	25.253.000	6.259.000	26.000.000	6.455.750	103,0%	103,1%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.350.000	2.334.000	9.350.000	2.335.000	100,0%	100,0%
	Trong đó: Thu từ hoạt động TD, KT dầu, khí	14.000	0	10.000	0	71,4%	
	- Thuế tài nguyên	179.000	179.000	166.000	166.000	92,7%	92,7%
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí	0	0	0	0		
	- Thuế giá trị gia tăng	8.050.000	1.887.500	8.550.000	2.037.500	106,2%	107,9%
	Trong đó: Thu từ hoạt động TD, KT dầu, khí	500.000	0	400.000	0	80,0%	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	7.434.000	1.858.500	7.669.000	1.917.250	103,2%	103,2%
	- Thu từ khí thiên nhiên, khí than	240.000	0	265.000	0	110,4%	

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025		DỰ TOÁN NĂM 2026		SO SÁNH (%)	
		NSNN	NSDP	NSNN	NSDP	NSNN	NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	13.935.000	3.588.750	13.800.000	3.536.250	99,0%	98,5%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.510.000	1.127.500	4.410.000	1.102.500	97,8%	97,8%
	- Thuế tài nguyên	140.000	140.000	115.000	115.000	82,1%	82,1%
	- Thuế giá trị gia tăng	4.010.000	1.002.500	3.750.000	937.500	93,5%	93,5%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.275.000	1.318.750	5.525.000	1.381.250		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	126.517.000	29.729.750	132.280.000	31.069.125	104,6%	104,5%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	63.537.000	15.879.250	59.920.000	14.976.625	94,3%	94,3%
	Trong đó: Thu từ hoạt động TD, KT dầu, khí	20.000	0	13.500	0		
	- Thuế tài nguyên	15.000	15.000	15.000	15.000	100,0%	
	- Thuế giá trị gia tăng	37.890.000	8.472.500	45.324.000	10.281.000	119,6%	121,3%
	Trong đó: Thu từ hoạt động TD, KT dầu, khí	4.000.000	0	4.200.000	0	105,0%	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	21.452.000	5.363.000	23.186.000	5.796.500	108,1%	108,1%
	- Thu về khí thiên nhiên, khí than	3.623.000	0	3.835.000	0	105,9%	
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	135.979.000	34.201.000	149.100.000	37.443.000	109,6%	109,5%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	65.150.000	16.287.500	66.380.000	16.595.000	101,9%	101,9%
	- Thuế tài nguyên	275.000	275.000	224.000	224.000	81,5%	81,5%
	- Thuế giá trị gia tăng	68.338.000	17.084.500	80.376.000	20.094.000	117,6%	117,6%
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.216.000	554.000	2.120.000	530.000	95,7%	95,7%
5	Thuế thu nhập cá nhân	90.359.000	22.589.750	97.000.000	24.250.000	107,3%	107,3%
6	Thuế bảo vệ môi trường	10.000.000	1.500.000	10.800.000	1.620.000	108,0%	108,0%
	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước	4.000.000	0	4.320.000	0	108,0%	
	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	6.000.000	1.500.000	6.480.000	1.620.000	108,0%	108,0%
7	Lệ phí trước bạ	10.500.000	10.500.000	12.675.500	12.675.500	120,7%	120,7%
8	Thu phí, lệ phí	11.000.000	5.902.000	10.500.000	5.017.000	95,5%	85,0%
	- Phí và lệ phí trung ương	5.098.000	0	5.483.000	0	107,6%	
	- Phí và lệ phí địa phương	5.902.000	5.902.000	5.017.000	5.017.000	85,0%	85,0%



STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025		DỰ TOÁN NĂM 2026		SO SÁNH (%)	
		NSNN	NSDP	NSNN	NSDP	NSNN	NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	100	100	100	100	100,0%	
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	690.000	690.000	660.000	660.000	95,7%	95,7%
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	16.714.000	16.594.000	18.000.000	14.330.400	107,7%	86,4%
	Trong đó: Thu từ TD, KT dầu khí	120.000	0	87.000	0	72,5%	
12	Thu tiền sử dụng đất	57.698.000	57.698.000	90.000.000	72.000.000	156,0%	124,8%
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	52.000	52.000	75.000	75.000	144,2%	
14	Thu từ hoạt động xổ số	10.844.000	10.844.000	11.000.000	11.000.000	101,4%	101,4%
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	434.000	358.050	270.000	232.900	62,2%	65,0%
16	Thu khác ngân sách	12.352.000	6.000.000	10.000.000	3.206.000	81,0%	53,4%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	16.000	16.000	14.900	14.900	93,1%	93,1%
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức và lợi nhuận được chia	11.470.000	7.900.000	6.500.000	4.500.000	56,7%	57,0%
19	Thu tiền sử dụng khu vực biển	36.900	0	0	0	0,0%	
IV	THU NSTW BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU		21.373.825		6.336.705		29,6%
V	THU BÁN ĐẤU GIÁ ĐẤT CÔNG VÀ CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CƠ QUAN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP		7.817.055				0,0%
VI	THU VIỆN TRỢ	1.087.827	1.087.827	99.742	99.742	9,2%	9,2%
VII	THU HUY ĐỘNG		34.000				0,0%
VIII	THU CHUYỂN NGUỒN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI		48.931.396		35.066.573		71,7%
IX	TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				20.000.000		
X	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ		40.513.500				



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	DỰ TOÁN NĂM 2026	SO SÁNH	
				TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	288.655.456	305.606.645	16.977.059	105,9%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	271.279.131	299.269.940	28.016.679	110,3%
I	Chi đầu tư phát triển (1)	142.865.578	144.078.000	1.212.422	100,8%
1	Chi đầu tư cho các dự án	136.941.341	144.078.000	7.136.659	105,2%
	Trong đó:				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	50.515.660	72.000.000	21.484.340	142,5%
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số	9.200.000	11.000.000	1.800.000	119,6%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0			
3	Chi đầu tư phát triển khác	5.924.237			
II	Chi thường xuyên	112.667.180	135.118.566	22.451.386	119,9%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	41.191.218	53.580.134	12.388.916	130,1%
2	Chi khoa học và công nghệ	695.165	9.538.837	8.843.672	1372,2%
III	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	23.200	14.360	-8.840	61,9%
IV	Dự phòng ngân sách	8.442.780	8.130.721	-312.058	96,3%
V	Hoàn trả ngân sách Trung ương	62.485		-62.485	0,0%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	5.932.138	10.668.392	4.736.254	179,8%
VII	Chi trả lãi vay	1.285.770	1.259.901	-25.870	98,0%
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH, MỤC TIÊU	17.376.325	6.336.705	-11.039.620	36,5%



**BỘI CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số 483/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025	DỰ TOÁN NĂM 2026	So sánh
A	B	1	2	3=2-1
A	THU NSDP	214.422.400	228.085.925	13.663.525
B	CHI CÂN ĐỐI NSDP	258.549.683	305.606.645	47.056.961
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	0	0	0
D	HẠN MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP THEO QUY ĐỊNH	257.306.880	273.703.110	16.396.230
E	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC			0
I	Tổng dư nợ đầu năm	29.503.261	32.721.936	3.218.676
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	9.650.000	9.650.000	0
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	19.853.261	23.071.936	3.218.676
3	Vay trong nước khác	0	0	0
II	Trả nợ gốc vay trong năm	595.966	1.021.020	425.054
1	Theo nguồn vốn vay	595.966	1.021.020	425.054
-		0	0	0
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	595.966	1.021.020	425.054
-	Vốn khác	0	0	0
2	Theo nguồn trả nợ	595.966	1.021.020	425.054
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	0	0	0
-	Bội thu NSDP	0	0	0
-	Tăng thu, tiết kiệm chi	92.228	1.021.020	425.054
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh	503.738	0	0
III	Tổng mức vay trong năm	3.814.244	16.017.700	12.203.456
1	Theo mục đích vay	3.814.244	16.017.700	12.203.456
-	Vay để bù đắp bội chi	3.814.244	16.017.700	12.203.456
-	Vay để trả nợ gốc	0	0	0
2	Theo nguồn vay	3.814.244	16.017.700	12.203.456
-	Trái phiếu chính quyền địa phương	0	13.034.900	13.034.900
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	3.814.244	2.982.800	-831.444
-	Vốn trong nước khác	0	0	0
IV	Tổng dư nợ cuối năm	32.721.936	47.718.616	14.996.680
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	9.650.000	22.684.900	13.034.900
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	23.071.936	25.033.716	1.961.780
3	Vốn khác	0	0	0
F	TRẢ NỢ LÃI, PHÍ	1.197.713	1.259.901	62.188